

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HƯNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST

Ngày 12/9/2019

V/v: *Tranh chấp hôn nhân gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Thành

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Đình Cự

2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:*

Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 59/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXX-ST ngày 06 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Chị Trần Thị S**, sinh năm 1982

Trú tại: Thôn P, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

* *Bị đơn:* **Anh Hoàng Văn C**, sinh năm 1977

Trú tại: Thôn T, xã H, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

(Tại phiên tòa chị S có mặt, anh C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 24/5/2019; bản tự khai ngày 06/6/2019; biên bản lấy lời khai ngày 09/8/2019 và tại phiên tòa chị Trần Thị S nguyên đơn trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị kết hôn với anh Hoàng Văn C ngày 26/8/2002 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12/2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, bỏ mặc nhau muốn sống thế nào thì sống. Vợ chồng đã ly thân từ tháng

12/2005. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh Hoàng Văn C.

* *Về con chung*: Chị và anh C có 01 con chung là: Trần Thị La L, sinh ngày 02/01/2004. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị bán hàng tạp hóa tại nhà, thu nhập hàng tháng là 5.000.000đồng. Con Trần Thị La L được đăng kí khai sinh tại UBND xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình lý do khi đó chị đang sinh sống và có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Cháu mang họ “Trần” là lấy họ của mẹ, do ông ngoại cháu, là bố đẻ chị ông Trần Trọng Th đi đăng ký khai sinh cho cháu. Trong giấy khai vẫn có họ tên người bố là anh Hoàng Văn C.

* *Về tài sản*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn anh Hoàng Văn C:

Anh Hoàng Văn C đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để trình bày. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án và xác minh đối với gia đình anh Hoàng Văn C, tại biên bản ghi lời khai ngày 12/7/2019 đối với bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1945 (là mẹ đẻ anh Hoàng Văn C); trú tại: Thôn T, xã H, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình cung cấp như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh C tự nguyện kết hôn tại UBND xã H, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, chị S và anh C về sống chung cùng gia đình bà chỉ được khoảng hơn 01 năm sau đó chị về nhà bố mẹ đẻ chị ở huyện Q, tỉnh Thái Bình sinh sống. Trong cuộc sống anh C rất chăm lo cho vợ con, không đánh mắng gì chị S nhưng chị S cứ thế bỏ đi, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Nay chị S xin ly hôn anh C, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, theo tôn giáo của bà thì không được ly hôn.

- Về con chung: Chị S và anh C có 01 con chung tên cháu là Trần Thị La L, sinh ngày 02/01/2004. Cháu L được sinh ở trạm y tế xã H, cháu sống cùng gia đình bà đến khi cháu biết đi thì theo mẹ đi. Nay chị S xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản: Chị S và anh C không có tài sản chung.

- Anh C đã biết việc chị S đang xin ly hôn anh ở Tòa án nhưng do công việc bận mải nên anh không đến Tòa án làm việc được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn là anh Hoàng Văn C tuy đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án và

biết về việc chị Trần Thị S xin ly hôn nhưng anh C vẫn vắng mặt không trực tiếp đến Tòa án làm việc nên việc chấp hành pháp luật của bị đơn là chưa nghiêm chỉnh. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ vào quy định của pháp luật xử cho chị Trần Thị S được ly hôn với anh Hoàng Văn C; Giao con chung Trần Thị La L, sinh ngày 02/01/2004 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc chị S không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con, khi nào đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết sau; Về tài sản: Chị Trần Thị S không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; Chị Trần Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại các lời khai và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Hoàng Văn C là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Đông Hưng, quá trình giải quyết vụ án đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản mà chỉ giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung, vì vậy căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân huyện Đông Hưng giải quyết là đúng thẩm quyền.

Anh Hoàng Văn C đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, tuy nhiên tại phiên tòa thứ nhất anh C vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Tại phiên tòa thứ hai anh C vẫn vắng mặt, HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh C.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12/2005 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, bỏ mặc nhau muốn sống thế nào thì sống. Nay chị S xin ly hôn, anh C không đến trực tiếp Tòa án để tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành ghi lời khai của bà Nguyễn Thị H (là mẹ đẻ anh C), bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại biên bản xác minh ngày 12/7/2019, Ủy ban nhân dân xã H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. HĐXX thấy rằng chị S và anh C đã ly thân từ năm 2005 đến nay không quan tâm, hỏi han đến nhau, không có mối ràng buộc về kinh tế nên xác định tình cảm vợ chồng giữa chị S và anh C không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng. Vì vậy C chấp nhận yêu cầu của

chị S, xử cho chị S được ly hôn với anh C là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

[2.2.1] Chị S và anh C có 01 con là Trần Thị La L, sinh ngày 02/01/2004. Ly hôn chị S xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. HĐXX thấy rằng: Hiện con Trần Thị La L đang sống cùng chị S và học tập tại xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, cháu có đơn trình bày nguyện vọng xin được ở với mẹ là chị S, quá trình giải quyết vụ án, anh C tuy đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm việc nên việc chấp hành pháp luật là không nghiêm chỉnh cũng như không có ý kiến về việc nuôi con chung, thông qua gia đình thấy rằng anh C đi làm ăn xa, công việc bận mải, thời gian chăm sóc, giáo dục, trông nom con bị hạn chế. Vì vậy xét nguyện vọng của chị S là chính đáng, ngoài ra hiện chị S bán hàng tạp hóa tại nhà, thu nhập hàng tháng là 5.000.000đồng nên xác định chị S có đủ điều kiện để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho các cháu Trần Thị La L, C giao con chung cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tại phiên tòa, chấp nhận việc chị S không yêu cầu anh C phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.2.2] Con Trần Thị La L khai sinh họ mẹ là họ “Trần” và được đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thì căn cứ vào Điều 13 Luật Hộ tịch năm 2014 quy định: “*Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ thực hiện đăng ký khai sinh*” và điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật hộ tịch: “*Họ, chữ đệm, tên và dân tộc của trẻ em được xác định theo thỏa thuận của cha, mẹ theo quy định của pháp luật dân sự và được thể hiện trong Tờ khai đăng ký khai sinh; trường hợp cha, mẹ không có thỏa thuận hoặc không thỏa thuận được, thì xác định theo tập quán*”. Xét thấy con Trần Thị La L mang họ mẹ là họ “Trần” và được đăng ký khai sinh tại UBND xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản: Chị Trần Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Trần Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị S được ly hôn anh Hoàng Văn C.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Trần Thị S được trực tiếp nuôi con chung là Trần Thị La L, sinh ngày 02/01/2004, chấp nhận việc chị S không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Tòa án không giải quyết về tài sản.

4. Về án phí: Chị Trần Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị S đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008038 ngày 06/6/2019 thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị S có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Hoàng Văn C có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đông Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Hoàng Văn Thành